

Đức Phật từ thành Vương xá bảo A-nan:

“Chúng ta hãy đến xóm Ba-lân¹.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ.”

Rồi từ nước Ma-kiệt-đà, đi chưa tới xóm Ba-lân, giữa đường là xóm La-trí², ở đó Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo vâng lời dạy. Đức Phật bảo:

“Trong thiên hạ có bốn sự thống khổ³, Đức Phật biết rõ nhưng con người lại không biết. Do con người không biết cho nên cứ bị sanh tử mãi không lúc nào dừng nghỉ. Những gì là bốn? Đó là, sanh là thống khổ, già là thống khổ, bệnh là thống khổ, chết là thống khổ. Vì con người không biết suy tư để chấp nhận bốn sự thống khổ này một cách dũng mãnh nên mới chịu sự sanh tử mãi mãi không bao giờ dừng nghỉ. Đức Phật vì vậy nêu lên bốn sự thống khổ này cho mọi người biết. Tuy có cha mẹ, vợ con, nhưng đều sẽ bị biệt ly, cùng nhau lo buồn, khóc lóc không thôi. Những việc xấu xa hằng ngày hiện ra ngay trước mắt⁴. Do đó Đức Phật công bố giáo pháp để dứt trừ bốn sự thống khổ, phụng trì tám giới, thân này đáng nhàm chán.”

Đức Phật dạy:

“Một là thọ lãnh lời Phật dạy. Hai, xa lìa ái dục, đến với đạo không có ham tranh cãi. Ba, không nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và nói lời độc ác. Bốn, không được sát sanh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ của người khác. Năm, không được ganh tị, sân hận và ngu si. Sáu, khi

- ¹ Xóm Ba-lân 巴鄰; còn gọi là Ba-liên-phát 巴連弗; hay Hoa thị thành, 華氏城. No.1(1): Phật khởi hành từ Ma-kiệt-đà đi đến Ca-lan-đà Trúc viên; rồi từ đây đi tiếp đến Ba-lăng-phất. Trong bản Pāli, Phật từ Rājagaha đi Ambalatthika; từ đây đi đến Nālanda, trú trong rừng Pāvārikambavana; rồi từ đây đi đến Pāṭaligāma (Ba-lăng-phất).
- ² La trí 羅致 (?), có lẽ là Ambalatthi trong bản Pāli; nhưng tại đây Phật giảng về thành tựu của giới-định-tuệ, chứ không giảng về bốn sự khổ như trong bản Hán này.
- ³ Hán: tứ thống 四痛.
- ⁴ Nguyên văn Hán: Chư sở ác kiến nhứt tại mục tiền, 諸所惡見日在目前; đây muốn nói đến điều mà thành ngữ Hán Phật thường gọi là oán tắng hội khổ: phải hằng ngày tụ hội với những gì mình ghét. Trong tám khổ, đây chỉ kể bốn khổ tự nhiên và chỉ thêm hai khổ xã hội: xa lìa người mình yêu, chung đụng với người mình ghét.

ngồi, tự mình tư duy về bốn sự thống khổ ở trong tâm. Bảy, nghĩ tưởng thân thể đều là nhơ nhớp. Tám, quán sự sanh tử, thân này rồi sẽ trở thành đất.

“Đức Phật cũng nghĩ về sự hiện hữu của bốn thống khổ và sự ra đi của chúng. Đức Phật cũng đã nói tám giới này và Phật cũng sẽ nói về tám giới. Hãy suy niệm ý nghĩa sâu xa của kinh Phật.

“Các Tỳ-kheo nếu có nghĩ tưởng về cha mẹ, vợ con, nghĩ về sự sanh hoạt của thế gian thì không thể đạt được đạo giải thoát khỏi thế gian. Nếu ưa thích thế gian thì tâm không ưa thích đạo. Đạo từ tâm mà có, chánh tâm mới có thể đắc đạo. Có chút chánh tâm thì có thể sanh lên cõi trời; hiểu kinh pháp có thể được làm người. Hãy đoạn trừ con đường địa ngục, súc sanh và ngã quỷ. Đức Phật vì thiên hạ mà sửa trị con đường sanh tử. Các Tỳ-kheo hãy nên suy tư về việc này.”

Đức Phật từ xóm La-trí⁵ bảo Tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Ba-lân⁶. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Liên đi theo sau Đức Phật. Bảy giờ Tỳ-kheo Tăng có một ngàn hai trăm năm mươi vị. Đức Phật đi đến xóm Ba-lân, ngồi bên gốc cây. Quỷ thần⁷ của xứ Ba-lân liền báo cho cư sĩ⁸ biết, tất cả đều mang hoặc ghế, nệm lông, đèn đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ trước Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo các cư sĩ:

“Con người ở thế gian, những ai tham dục, tự mình buông lung, thì có năm điều xấu ác⁹. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một hao mòn.

⁵ La-trí 羅致; No.1(2), Phật từ Trúc viên 竹園 đi đến Ba-liên-phát 巴連弗.

⁶ Ba lân 巴鄰; No.1(2), Ba-lăng-phát 巴陵弗. Xem cht.25.

⁷ No.5, Quỷ thần 鬼神; bản No.1(2) không có.

⁸ No.5, Thệ tâm lý gia 誓心理家; chỉ Bà-la-môn và cư sĩ (hay gia chủ); xem cht.10. No.1(2): Thanh tín sĩ 清信士. Tham chiếu Pāli: assosum kho pāṭaligāmikā upāsakā, “các Ưu-bà-tắc thôn Pāṭaligāma nghe đồn rằng”.

⁹ Tham chiếu Pāli: paññcime gahapatayo ādīnavā dussīlassa sīlavipattiyā, “Này các gia chủ, có năm điều tai hại cho những ai ác giới, phá giới”.

Hai, không biết ý đạo. Ba, mọi người không kính nể; lúc chết bị hối hận. Bốn, tiếng xấu đồn khắp, thiên hạ đều nghe. Năm, lúc chết đọa vào địa ngục, trong ba đường ác.

“Nếu ai có thể hàng phục tâm mình, tự mình không buông lung, thì có năm điều lành. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một tăng. Hai, có đạo hạnh. Ba, mọi người kính nể, lúc chết không hối hận. Bốn, tiếng tốt đồn khắp ai cũng nghe. Năm, lúc chết được sanh đến cõi trên, đầy đủ phước đức.

“Tự mình không buông lung có năm điều lành như vậy, các người hãy tự mình suy tư về việc ấy.”

Đức Phật thuyết pháp cho cho các gia chủ cư sĩ, tất cả đều hoan hỷ, lạy Phật rồi đi.

Đức Phật đi đến xóm A-vệ¹⁰, ngồi bên một gốc cây, dùng đạo nhãn thấy chư Thiên trên trời sai các thần Hiền thiện¹¹ bảo hộ vùng đất này. Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi xóm A-vệ, lại ngồi xuống một chỗ khác. Hiền giả A-nan sửa lại y phục ngay thẳng, từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật xong đứng qua một bên. Đức Phật hỏi A-nan:

“Ai tính toán để xây dựng thành quách ở xóm Ba-lân này?”

Thưa:

“Đại thần Vũ-xá nước Ma-kiệt xây dựng thành này nhằm ngăn chặn quân nước Việt-kỳ.”

Đức Phật nói:

“Lành thay! Nay A-nan, ông Vũ-xá là người hiền mới biết mưu kế ấy. Ta thấy các vị Trời thần diêu ở trên cõi trời Đao-lợi đều hộ trì đất này. Ai có đất đai mà được chư Thiên trên trời hộ trì, vùng đất ấy chắc chắn sẽ được an ổn, giàu có. Lại nữa, vùng đất này là trung tâm của trời. Vị trời làm chủ bốn phân dã¹² này tên là Nhân Ý¹³. Nước nào được Nhân Ý hộ trì, nước ấy càng lâu bền, lại càng hưng thịnh. Nước đó chắc chắn có nhiều bậc Thánh hiền, mưu trí mà các nước khác không thể bì kịp, cũng không thể phá hoại được. Thành Ba-lân này sẽ bị phá hoại

¹⁰. A-vệ 阿衛; chưa rõ địa danh này.

¹¹. Hiền thiện thần 賢善神; có lẽ chỉ chủng loại, chứ không phải tên riêng. Các bản khác không có chi tiết này.

¹². Tứ phân dã 四分野, tức tọa đời trời, thuật ngữ thiên văn Trung Quốc.

¹³. Hán: nhân ý 仁意, chưa xác định được ý nghĩa gì.

bởi ba việc: Một, lửa lớn; hai, nước lớn; ba, người trong và ngoài thành thông mưu với nhau.”

Đại thần Vũ-xá nghe Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo từ nước Ma-kiệt du hành đến đây, bèn nường uy của vua, trang nghiêm năm trăm cỗ xe mà ra khỏi xóm Ba-lân, đi đến chỗ Đức Phật; đến phía trước đánh lễ rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Ngày mai mong ngài cùng đông đủ Tỳ-kheo đến nhà con để dùng bữa ăn nhỏ¹⁴.”

Đức Phật yên lặng không trả lời. Ông Vũ-xá nói như vậy đến ba lần. Sự yên lặng trong Phật pháp tức là nhận lời. Vũ-xá liền trở về nhà sửa soạn, đặt bày giường ghế, thắp đèn dầu, đồ ăn thức uống đầy đủ để đón rước Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng. Sáng mai, Vũ-xá đến thỉnh Phật. Bấy giờ Đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng đi đến. Ăn uống xong, Đức Phật liền chú nguyện:

“Mong tín chủ được đắc đạo, không ham thích địa vị quốc công. Tuy đời này không thể từ bỏ quan lại¹⁵, nhưng nay tín chủ cúng cơm cho Phật và Tỳ-kheo Tăng, mong cho đời sau được thoát khỏi việc quan lại. Thế gian có người sáng suốt nên cúng thức ăn cho đạo nhân Hiền thiện, đạo nhân chú nguyện, nếu không bỏ được tâm muốn làm quan, thì quan không nên có tâm tham lam, tâm khốc hại, tâm cầu cạnh, tâm ham thích dục lạc, tâm khuyên làm điều ác¹⁶. Bỏ năm tâm này, người giữ việc triều chính có thể sẽ không có lỗi; sau khi chết có thể trừ được tội ác nơi địa ngục. Nay Vũ-xá, hãy tự suy nghĩ lấy.”

Ông thưa:

“Dạ, con xin thọ giáo.”

Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng đều đứng dậy ra đi. Đức Phật đi ra cửa thành, Vũ-xá liền đi theo sau Phật quan sát xem Đức Phật đi ra cửa thành nào để đặt tên cửa thành ấy là Phật thành môn¹⁷. Còn cái khe nước nhỏ mà Đức Phật đi qua thì gọi là Phật khe¹⁸.

¹⁴. Hán: tiểu thực 小食. Chính xác là ngọc thực. Phật và chúng Tăng chỉ dùng một bữa (nhất tọa thực).

¹⁵. Hán: huyện quan 縣官.

¹⁶. Hán: quan bất khả hữu tham tâm, khốc tâm, tiến tâm, lạc tâm, khuyên tâm 官不可有貪心, 酷心, 進心, 樂心, 勸心.

¹⁷. Phật thành môn 佛城門; No.1(2): Cù-dàm môn, 瞿曇門.

¹⁸. Phật khe, 佛溪; No.1(2): bến dò mà Phật đi qua được đặt tên là “bến Cù-dàm 瞿

Đức Phật đi đến bên bờ sông. Bấy giờ dân chúng nhiều người muốn qua sông; có người dùng thuyền lớn, có người dùng thuyền nhỏ, có người dùng bè tre để vượt qua. Đức Phật ngồi suy nghĩ: “Lúc ta chưa thành Phật, qua sông này, cưỡi lên bè tre để đi qua. Nay thân ta không còn cưỡi lên bè tre để qua sông”. Đức Phật lại tự nghĩ: “Ta là thầy đưa đò người, đưa người vượt qua nẻo đường thế gian, không còn để ai đưa đò nữa”. Nghĩ như vậy rồi các Tỳ-kheo đều vượt qua.

Đức Phật gọi A-nan:

“Tất cả hãy đi đến xóm Câu-lân¹⁹.”

A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo liền đến xóm Câu-lân. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy lắng nghe. Hãy khéo giữ gìn tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, để biết vô thường; hãy bằng trí tuệ mà lo cho thân²⁰. Hãy khéo giữ tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, thì liền được sáng suốt. Người sáng suốt liền trừ bỏ được trạng thái tham dâm, sân nhuế, ngu si. Trừ bỏ được ba trạng thái này rồi liền được vượt khỏi con đường thế gian, không còn sanh trở lại, tâm không còn dong ruổi nữa. Nhất tâm, không bị vướng mắc. Ví như quốc vương vui thích độc tôn²¹, suy nghĩ: ‘Trong quần chúng đông người này, ta là ông chủ độc nhất.’ Người đắc đạo, đã vượt qua khỏi thế gian, cũng tự nghĩ trong lòng: ‘Dù có trăm ngàn vạn mối rối ren, chỉ có tâm là chủ, giống như quốc vương làm chủ coi sóc muôn dân’.”

Đức Phật lại từ Câu-lân bảo A-nan:

“Tất cả hãy đến nước Hỷ dự²².”

A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đồng đến nước Hỷ dự, ngồi bên gốc

曇渡”.

¹⁹. Câu-lân, 拘鄰; No.1(2): Câu ly, 拘利.

²⁰. Hán: dĩ tuệ ưu thân 以慧憂身, ý nói, hãy quán sát thân bằng trí tuệ.

²¹. Hán: lạc độc 樂獨, ưa sự độc tôn hay độc cư.

²². Hán: Hỷ dự quốc 喜豫國; No.1(2): Na-đà thôn 那陀村.

cây Kiên-đề²³. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Các người hãy đi khát thực ở nước Hỷ dự.

Lúc khát thực xong trở về, các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

“Nước Hỷ dự có nhiều bệnh tật nên dân chúng có nhiều người chết, trong đó có các Ưu-bà-tắc²⁴ tên là Huyền Diệu, Thời Tiên, Sơ Động, Thức Hiền, Thục Hiền, Khoái Hiền, Bá Tông, Kiêm Tông, Đức Cử, Thượng Tịnh. Mười vị này²⁵ đều là Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới, nay đều qua đời.”

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

“Các Ưu-bà-tắc này chết rồi sanh về đâu?”

Đức Phật trả lời:

“Huyền Diệu v.v... cả thảy mười người này, chết rồi được sanh vào trong đạo Bất hoàn²⁶.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Các người chỉ biết về cái chết của mười người này. Phật bằng thiên nhãn quán sát xem thấy năm trăm Ưu-bà-tắc đã chết đều sanh trong đạo Bất hoàn. Lại có ba trăm Ưu-bà-tắc như Nan-đề, lúc còn sống đã không còn trạng thái dâm, trạng thái phần hận và trạng thái ngu si²⁷, thì lúc chết được sanh lên cõi trời Dao-lợi, đắc đạo quả Câu cảng²⁸, chỉ còn bảy lần sanh, bảy lần tử nữa là chứng được đạo quả A-la-hán. Còn Huyền Diệu v.v... cả thảy năm trăm người đều được đạo quả Bất hoàn,

²³. Kiên-đề thọ 鍵提樹; No.1(2): Kiên-chùy xứ 鍵椎處; Pāli: Gijjakāvasatha, ngôi nhà gạch.

²⁴. Ưu-bà-tắc 優婆塞; Skt.: Upāsaka; No.1(2) sđd.: Cư sĩ 居士; Pāli: Gaha-pati; Skt.: Grha-pati.

²⁵. Danh sách mười vị Ưu-bà-tắc ở nước Hỷ dự: Huyền Diệu 玄鳥, Thời Tiên 時仙, Sơ Động 初動, Thức Hiền 式賢, Thục Hiền 淑賢, Khoái Hiền 快賢, Bá Tông 伯宗, Kiêm Tôn 兼尊, Đức Cử 德舉, Thượng Tịnh 上淨. Danh sách mười hai vị cư sĩ ở Na-đà, theo No.1(2): Già-già-la 伽伽羅, Gia-lăng-gia 加陵加, Tỳ-già-đà 毗伽陀, Già-ly-thâu 伽利輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-đầu-lâu 藪婆頭樓, Đà-lê-xá-nậu 陀梨舍耨, Tẩu-đạt-ly-xá-nậu 藪達利舍耨, Da-thâu 耶輸, Da-thâu-đa-lâu 耶輸多樓.

²⁶. Bất hoàn 不還; đây chỉ các cư sĩ đã chứng quả Bất hoàn, sau khi chết sinh lên cõi trời Tịnh cư và nhập Niết-bàn ở đó.

²⁷. Chính xác, chỉ trần áp, làm cho vơi mỏng đi, chứ chưa diệt trừ hoàn toàn.

²⁸. Câu-cảng 溝港, nghĩa đen: “ngòi rãnh” tức đạo quả Dự lưu 預流, hay Tu-đà-hoàn.

tự mình ở nơi cõi trời đạt được đạo Ứng chơn²⁹.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người đi khát thực³⁰ về, cứ gì lại hỏi đến mười vị Ưu-bà-tắc ấy? Nếu các người muốn cố ý quấy rầy Phật, cho rằng Phật không muốn nghe điều xấu này. Nhưng Phật đâu có gì e sợ. Đã có sanh thì ai cũng phải chết. Các Đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều Bát-nê-hoàn. Nay ta đã thành Phật, cũng sẽ Bát-nê-hoàn. Nhờ thân này mà được làm Phật. Tráỉ qua nhiều kiếp cầu Phật để chấm dứt con đường sanh tử. Khi làm Phật thì nhổ sạch gốc rễ của sanh tử. Biết gốc rễ con người vốn từ si³¹, từ si là hành; từ hành là thức; từ thức là danh sắc³²; từ danh sắc là lục nhập; từ lục nhập là xúc³³; từ xúc là thọ³⁴; từ thọ là ái; từ ái nên thủ³⁵; từ thủ là hữu; từ hữu là sanh; từ sanh là già chết, lo, rầu, khổ não, buồn bã, chẳng như ý. Như là sự tập khởi của khối lớn đau khổ họp lại³⁶.

“Phật do vậy suy tư về nguồn gốc sanh tử, như chiếc xe có bánh, khi xe chạy thì bánh xe không thể ngừng. Con người từ si cho nên mới bị sanh tử. Nếu từ bỏ si thì si diệt, do si diệt thì hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, nhờ xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già chết diệt, do già chết diệt nên ưu bi khổ não, bất như ý diệt. Như vậy sự tập khởi của khối lớn đau khổ họp lại được chấm dứt.

“Cho nên trước tiên Đức Phật nói cho các người biết, do si mê nên có sanh tử; người có trí giữ đạo thì không còn sanh tử nữa.”

Đức Phật dạy:

“Hãy nghĩ tưởng phụng trì Phật, Pháp, Thánh chúng và tịnh giới.

²⁹. Ứng-chơn 應真, còn gọi là A-la-hán 阿羅漢, chứng A-ha-hán và nhập Niết-bàn trên các tầng trời Tịnh cư.

³⁰. Nguyên Hán: phân-vệ 分衛, phiên âm; Pāli: piṇḍapāta.

³¹. Hán: si 癡, tức vô minh.

³². Nguyên Hán: tự sắc 字色.

³³. Nguyên Hán: tài 裁, “trồng trọt”.

³⁴. Hán: thống 痛, “đau nhức”.

³⁵. Hán: cầu 求, “mong cầu (hay tìm cầu)”.

³⁶. Hán: hợp đại khổ 合大苦陰墮習.

Cung kính, thưa sự lẫn nhau mà dạy dỗ kinh Phật. Hãy tư duy, giữ tâm chánh niệm, thì chẳng còn trở lại nẻo sanh tử, không còn nỗi lo lắng ưu sầu.”

Đức Phật từ xóm Hỷ dự gọi A-nan đi đến nước Duy-da-lê³⁷, Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật từ xóm Hỷ dự đi đến nước Duy-da-lê, chưa tới bảy dặm, thì dừng chân nơi vườn Nại³⁸. Có một đám nữ tên Nại nữ³⁹, với năm trăm đệ tử là đám nữ, ở trong thành nghe Đức Phật đi đến hiện ngụ nơi vườn Nại, liền bảo đám đệ tử đám nữ phải lo trang điểm mặc y phục và chuẩn bị xe cộ, rồi từ trong thành đi ra, đến chỗ Phật, muốn yết kiến cùng lễ bái Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Phật ở nơi vườn Nại cùng với hàng ngàn vị Tỳ-kheo, đang thuyết giảng kinh cho các vị ấy. Đức Phật thấy Nại nữ cùng năm trăm đệ tử đám nữ đang đi tới, tất cả đều mặc những bộ y phục đẹp đẽ, có trang điểm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người đã thấy Nại nữ cùng với năm trăm đám nữ đệ tử, thấy đều hãy cúi đầu, tâm đoan chánh. Họ tuy trang điểm, ăn mặc đẹp đẽ đến đây, ví như cái bình vẽ, bên ngoài tô vẽ rất đẹp, nhưng bên trong chứa toàn là đồ nhơ nhớp, đã được phong kín không đáng để mở ra; nếu ai mở ra thì toàn là những thứ bất tịnh xú uế. Đó chính là Nại nữ; cả đám đều là những cái bình vẽ. Vậy các Tỳ-kheo phải có khả năng quán sát⁴⁰. Quán sát những gì? Đó là bỏ ác theo thiện, không chạy theo trạng thái ham muốn của lòng dâm, tà tự mình bị chẻ xương, phá tim, thiêu đốt thân thể chớ quyết trọn đời không bao giờ đồng lõa với vọng tâm làm ác. Không chỉ là lực sĩ mới có nhiều sức mạnh, mà tự mình giữ tâm chánh niệm thì còn hơn cả lực sĩ. Đức Phật chế ngự tâm mình đến nay đã trải qua vô số kiếp, không chạy theo vọng tâm, siêng

³⁷. Duy-da-lê quốc 維耶梨國; No.1(2), Tỳ-xá-ly 毗舍離, hoặc Tỳ-da-ly 毗耶離.

³⁸. Nại viên 柰園 (vườn xoài, có chỗ nói là vườn táo); đây chỉ khu vườn của kỹ nữ Am-bà-bà-lê, hay Am-ma-la; No.1(2): tại Tỳ-da-ly, Phật ngồi dưới một gốc cây. Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đến nghe Pháp. Sau đòu quy y và cùng khu vườn sở hữu cho Phật.

³⁹. Nại nữ 柰女; No.1(2) sdd.: Am-bà-bà-lê 菴婆婆梨, âm khác: Am-bà-ba-ly 菴婆波利, Am-bà-la-bà-ly 菴婆羅婆利, Am-bà-la 菴婆羅; Pāli: Ambapāli-gaṇikā.

⁴⁰. Hán: kiến lực 見力, tức Pāli: vipassana.

năng tinh tấn để tự đạt đến quả Phật. Vậy các Tỳ-kheo hãy tự làm cho tâm mình ngay thẳng, đoan nghiêm. Tâm từ lâu ở trong chỗ bất tịnh, thì hiện tại cũng có thể tự mình nhổ bỏ. Hãy tự tư duy năm tạng trong thân thể cũng có thể đình chỉ được pháp sanh tử. Hãy quán xem bên ngoài cũng khổ, bên trong cũng khổ, hãy khiến cho tâm mình luôn chính đáng.”⁴¹

Nại nữ đến nơi, xuống xe đến chỗ Đức Phật, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo đều cúi đầu. Đức Phật hỏi:

“Do nhân duyên gì mà đến đây?”

Nại nữ thưa:

“Con thường nghe Phật là Bậc tôn quý hơn chư Thiên nên con đến để lễ bái.”

Đức Phật nói:

“Này Nại nữ! Có thích làm thân người nữ chăng?”

Nại nữ thưa:

“Trời bắt con làm thân người nữ, nhưng con không thích.”

Đức Phật dạy:

“Nếu cô không thích làm thân người nữ, vậy ai khiến cô nuôi tới năm trăm đệ tử dâm nữ?”

Nại nữ thưa:

“Họ đều là những dân nghèo, con nuôi dưỡng và bảo hộ cho họ.”

Đức Phật nói:

“Chẳng phải như thế! Nếu không nhầm chán về bệnh khổ của người nữ, hoặc như kinh nguyệt bất tịnh, lại bị nhiều thứ ràng buộc, đánh đập, không được tự tại. Đã không nhầm chán thân nữ của cô lại còn nuôi chứa đến năm trăm người nữ nữa?”

Nại nữ thưa:

“Con ngu si nên mới như vậy. Người có trí thì không làm như vậy.”

Đức Phật nói:

“Biết suy xét như thế là tốt.”

Nại nữ liền quỳ mọp, bạch Phật:

⁴¹. Văn dịch không rõ ràng. Nhưng, trên đây là bài giảng về việc Tỳ-kheo tu tập sống trong chánh niệm, chánh trí, bằng cách tu bốn niệm xứ: quán nội ngoại thân, v.v... Bài giảng có mục đích khiến các Tỳ-kheo nhiếp tâm để sẽ khỏi bị sắc đẹp của kỹ nữ Am-bà-bà-lê tác động.

“Sáng mai con mời Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng đến nhà con thọ trai.”

Đức Phật yên lặng không trả lời. Nại nữ rất sung sướng, liền đứng dậy đánh lễ Đức Phật rồi đi ra.

Nại nữ ra khỏi chưa bao lâu thì các Lý gia⁴² thuộc dòng họ danh giá của thành Duy-da-lê, nghe Đức Phật cùng đông đủ các Tỳ-kheo Tăng đang đi đến đây, cách thành bảy dặm, ở trong vườn Nại, liền dựa vào oai lực của nhà vua, sửa sang xe cộ rồi ra đi, muốn đến yết kiến để cúng dường Đức Phật. Trong đó có toán cưỡi ngựa xanh, xe xanh, áo xanh, dù lọng xanh, tràng phan cũng xanh, các viên quan đều mặc màu xanh. Toán cưỡi ngựa vàng, xe vàng, áo vàng, lọng vàng, tràng phan vàng, quan thuộc đều mặc màu vàng. Có toán thì cưỡi ngựa đỏ, xe đỏ, áo đỏ, lọng đỏ, tràng phan đỏ, quan thuộc đều dùng màu đỏ. Có toán thì cưỡi ngựa trắng, xe trắng, áo trắng, dù lọng trắng, tràng phan trắng, quan thuộc đều dùng màu trắng. Có toán thì cưỡi ngựa đen, xe đen, áo đen, lọng đen, tràng phan đen, quan thuộc đều mặc màu đen. Đức Phật từ xa trông thấy đoàn xe ngựa khoảng chừng mười vạn người đang đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các người muốn thấy trong vườn của Đế Thích, trên cõi trời Dao-lợi, đám thị tùng ra vào đông đúc ra sao, thì hãy nhìn các Lý gia này. Chúng giống nhau, chẳng khác gì cả.”

Các Lý gia tới đầu đường đều xuống xe, đi đến chỗ Đức Phật. Người đến trước gần Đức Phật thì quỳ, người ở giữa đều cúi đầu, còn đám người sau cùng thì đều chấp tay rồi ngồi xuống.

Đức Phật hỏi:

“Các vị từ đâu đến đây?”

Các Lý gia thưa:

“Chúng con nghe Đức Phật ở chỗ này cho nên đến đây để lễ bái.”

Trong đoàn có một người tên là Tân Tự⁴³, đứng dậy đi đến trước Đức Phật, nhìn Ngài thật kỹ. Đức Phật hỏi:

“Ông nhìn những gì ở nơi ta?”

⁴². Lý gia 理家 tức gia chủ; gần âm với No.1(2), Lệ-xa 隸車 một bộ tộc hùng mạnh vào lúc bấy giờ, thủ phủ ở Tỳ-xá-ly. Xem cht.10 và 44.

⁴³. Tân tự 賓自 (?); No.1(2) sdd.: Tịnh ký 并暨 (?)

Tân Tự thưa:

“Khắp trên trời dưới đất đều rung động hướng về Ngài, cho nên con nhìn Đức Phật không hề biết chán.”

Đức Phật nói:

“Này Tân Tự, ông hãy nhìn Phật thật kỹ. Về lâu xa lại có Phật ra đời nữa. Lúc có Phật nên theo lời Phật dạy.”

Trong nhóm có bốn năm trăm Lý gia nói:

“Tân Tự có phước đức lớn, cùng được hầu chuyện Đức Phật.”

Tân Tự nói:

“Từ xa tôi được nghe nói tới kinh Phật. Tôi nghĩ kinh ấy từ lâu rồi, cho đến hôm nay tôi mới được gặp. Tôi có tâm từ hiếu đối với Đức Phật.”

Đức Phật nói:

“Người trong thiên hạ ít có ai như Tân Tự, từ hiếu đối với thầy.”

Đức Phật bảo Tân Tự:

“Phật xuất hiện trong thiên hạ, biết rõ con đường sanh tử của muôn người, thuyết giảng kinh để mở bày, giáo hóa. Trên trời dưới trời và các loài quỷ, rồng v.v... không ai là không nghiêng mình. Đó là oai thần thứ nhất của Phật.

“Nếu ai đọc tụng kinh Phật, tự mình giữ tâm ngay thẳng, thì đạt được đạo. Đó là oai thần thứ hai của Phật.

“Phật thuyết giảng kinh cho muôn người. Những người hiền trí thấy đều hoan hỷ. Những người đến nghe không ai là không vui mừng. Những người tu học cùng chỉ dạy lẫn nhau, cùng nhau dẫn dắt, cùng nhau giúp cho tâm được ngay thẳng. Đó là oai thần thứ ba của Phật.

“Ai học kinh Phật cũng đều hoan hỷ, như người ngu được vàng. Kẻ thượng trí được đạo Ứng chơn. Hạng thứ hai có thể được quả Bất hoàn, hạng thứ ba có thể được quả Tần lai⁴⁴, hạng thứ tư có thể được Câu cảng,⁴⁵ hạng thứ năm là giữ năm giới của Ưu-bà-tắc, có thể được

⁴⁴. Tần lai 頻來, Nhất lai 一來 (dịch âm: Tư-đà-hàm, 斯陀含), “người chỉ tái sinh dục giới nhiều lần (chính xác: một lần nữa) trước khi đắc quả A-la-hán và nhập Niết-bàn.

⁴⁵. Ở trên là Tứ quả Sa-môn 四果沙門: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán) là quả vị tu đạo của các hàng Thanh văn tiểu thừa Phật giáo.

sanh lên cõi trời, giữ ba giới thì có thể được làm người. Đức Phật xuất hiện ở thế gian, nhân đó mới xuất hiện đạo này. Đó là oai thần thứ tư của Đức Phật.”

Đức Phật bảo Tân Tự:

“Ông đến nhìn Phật thật kỹ. Ông nói rằng đã từng nghe danh hiệu của Phật nhưng ít thấy Phật. Lúc bấy giờ, trong số hàng chục vạn người đang ngồi ở đó, đều không hỏi Phật, mà chỉ riêng ông hỏi Phật. Đó là oai thần thứ năm của Phật.”

Đức Phật bảo Tân Tự:

“Người có trí huệ trong thiên hạ rất ít, người không hiểu đạo⁴⁶ thì nhiều. Thọ trì kinh giáo của Phật, thọ trì những lời hay của thầy, giữ giới pháp của thầy, thì các loài quỷ, thần, rồng không ai là không hộ vệ, chăm sóc, khiến không ai dám phỉnh phờ, dối gạt⁴⁷. Hãy từ hiếu đối với thầy. Làm thầy không nên theo những yêu sách của đệ tử. Trước mặt thầy phải nên cung kính, sau lưng thì nên khen ngợi thầy. Thầy chết thì luôn luôn tưởng nhớ. Hiện nay Tân Tự là người tài giỏi trong loài người, khéo ưa thích pháp, giới thanh tịnh.”

Các vị Thệ tâm Lý gia⁴⁸ ở Duy-da-lê mời Đức Phật sáng mai cùng các Tỳ-kheo vào thành để cúng dường. Đức Phật nói:

“Sáng mai Nại nữ đã thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi.”

Các Thệ tâm Lý gia đều trở về.

Sáng sớm, Nại nữ đi đến chỗ Đức Phật, thưa:

“Con đã đặt tòa ngồi, đồ ăn uống cũng đã dọn xong, mong đức Thiên Tôn thể hiện oai thần hạ cố.”

Đức Phật nói:

“Hãy về đi, ta sẽ đến!”

Đức Phật đứng dậy, mặc y ôm bát cùng đông đủ Tỳ-kheo đi vào thành. Ở trong thành có mấy mươi vạn người đến xem, trong đó có các Ưu-bà-tắc Hiền thiện, họ đều khen: ‘Đức Phật như trăng sáng, các đệ tử ngài như sao sáng vây quanh mặt trăng.’

⁴⁶. Nguyên Hán: phản phục 反復, có lẽ mượn chữ kinh Dịch, quẻ Phục: phản phục chi vị đạo 反復之謂道, “đi rồi trở lại, đó là Đạo”.

⁴⁷. Hán: bất cảm vọng triệu hô 不敢妄招呼, có lẽ muốn nói “không bị ma quỷ ám ảnh hay quấy nhiễu”.

⁴⁸. Thệ tâm lý gia, tức Bà-la-môn cư sĩ, hay gia chủ Bà-la-môn. Xem cht.10.

Đức Phật đến nhà Nại nữ, ngồi xuống, dùng nước rửa tay chân. Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng thọ trai, rửa tay xong xuôi, Nại nữ lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật. Đức Phật bảo Nại nữ:

“Các bậc Thánh nhân và những người giàu có, phú quý được tôn kính trong thiên hạ chỉ thích tịnh giới, rõ biết các kinh của Phật; những điều họ nói ra trong chúng hội, ai cũng ưa nghe; những việc họ làm, ai cũng kính yêu. Nay được làm người trong thiên hạ, đừng tham tiền, sắc, vâng theo sự giáo hóa của Phật, lúc chết tất được sanh lên cõi trời.”

Đức Phật bảo Nại nữ:

“Hãy khéo giữ mình, thọ trì năm giới.”

Đức Phật và chúng Tỳ-kheo ra đi.